

CHƯƠNG 2

VŨ TRỤ

MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ VŨ TRỤ LUẬN ĐẠI ĐẠO

MỤC 2. ĐẠO – THƯỢNG ĐẾ

MỤC 3. NGUYÊN LÝ THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

MỤC 4. NGUYÊN LÝ NHẤT TÁN VẠN – VẠN QUY NHẤT

MỤC 1

TỔNG QUAN VỀ VŨ TRỤ LUẬN ĐẠI ĐẠO

Vũ trụ luận Đại Đạo đề cập đến vũ trụ như một tổng thể bao gồm các đối tượng khả nghiệm và siêu nghiệm đối với khả năng nhận thức của con người (vũ trụ, như một tổng thể, thường được gọi là Càn Khôn thể giới, Thiên Địa Càn Khôn, vũ trụ Càn Khôn,...)

Dai-Dao's cosmology refers to "universe" as a whole that includes all objects which are cognizable and transcendental to mankind's perception. (universe, as a whole, is also named by "World", "Heaven and Earth", "...")

Vũ trụ luận Đại Đạo đưa ra các quan niệm về nguồn gốc, sự vận động và biến hóa, sự tiến hóa của vũ trụ trong chiều hướng rút ra các nguyên lý, các quy luật chung của sự tồn tại và tiến hóa của vũ trụ, nhất là các nguyên lý và các quy luật dẫn đạo cho sự tiến hóa của con người đến tầm kích vũ trụ, tức là đưa con người từ vị thế hữu hạn trong

không gian, thời gian vượt lên tới vị thế con người muôn thuở muôn phương.

Dai-Dao's cosmology introduces the concepts of cosmic origin, motions and changes. By these concepts, we are able to infer the universal principles and laws for the existence and evolution of universe; particularly, we can find out the principles and laws that play the key roles in the man's evolution by which man evolves from the position of spacetime-bounded beings to the position of spacetime-unbounded (ie immortal) man.

1. NGUỒN GỐC VŨ TRỤ

Về nguồn gốc vũ trụ, giáo lý Đại Đạo quan niệm rằng trước khi có vũ trụ hữu hình, trong vũ trụ có một Bản thể là thực tại tối sơ. Một động năng ban đầu tự phát sinh làm cơ nguyên của cuộc sinh hóa vũ trụ giữa thực tại ấy. Quan niệm về Bản thể và cơ nguyên sinh hóa vũ trụ của giáo lý Đại Đạo thuộc về siêu hình nhưng có tính nhất quán cho toàn hệ thống giáo lý.

1.1. *Khái niệm về vũ trụ*

Giáo lý Đại Đạo có những khái niệm về vũ trụ bao hàm những phạm trù thời gian, không gian, âm dương tương đối, và tiên thiên - hậu thiên.

1. Vũ trụ có liên quan đến không gian và thời gian. Đại Thừa Chơn Giáo viết:

“... Sao kêu là vũ trụ, các con có biết chăng? Khắp cả Càn Khôn thế giới là vũ. Cùng chỗ vũ kêu là trụ. Vũ là trùm cả bốn phương và trên dưới. Trụ cũng có nghĩa là xưa qua

nay lại. Nên trong chữ “vũ trụ” có gồm nghĩa cả không gian và thời gian.”¹

2. Vũ trụ có liên quan đến âm dương:

“Âm là vũ, dương là trụ. Vũ thì đóng khép trong găm trời. Trụ thì mở rộng. Trụ cũng là thời gian, là âm dương nối tiếp nhau. Còn vũ là không gian, là âm dương đồng thời tương đối.

Bước qua vòng không gian, thời gian, ta còn thấy rộng hơn như trong họa đồ tròn, họa đồ vuông trong Châu Dịch. Tròn (thời gian) vuông (không gian) được đúc kết nên một thể, nhưng không ngoài sự tiêu trường của âm dương.”²

3. Khái niệm Tiên thiên-Hậu thiên trong giáo lý Đại Đạo lại củng cố thêm vũ trụ quan bao hàm thực tại Bản thể và thể giới hiện tượng, bao hàm *thường hằng* và *dịch biến*, trong đó Thiên (Thái cực) là động năng hóa sanh vạn hữu (Hậu thiên) từ Hư vô (Tiên thiên).³

“Nguyên sơ là lúc chưa có Trời Đất, vũ trụ này chỉ là một khí không hư ngưng kết thành một khối hồn nhiên, cực huyền cực diệu. Khối ấy trong Vô Cực hiện ra, gọi là Thái Cực (...) Trước khởi kỳ thi, chưa có một tượng hình động tịnh, nên gọi Tiên Thiên (...) Khi Thái Cực phân nghi, âm

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 23-9 Bình Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43 “Vũ trụ”, tr.175.

² Đạo Học Chí Nam, chương 1, tiết 4, mục 2.

³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (xưng danh Đại Đức Cao Tiên); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 30 “Tiên thiên cơ ngẫu”, tr.272, thiên 31 “Hậu thiên cơ ngẫu”, tr.280.

*ương hiển hiện, thì Trời Đất được dựng nên, muôn loài sanh sôi nảy nở (...)*¹

1.2. Bản Thể Vũ Trụ

1.2.1. Bản thể vũ trụ là Đạo, là Khí Hư Vô

Theo Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Đạo là gì? Đạo là Hư Vô Chi Khí. Đạo rất mầu nhiệm sâu kín cao siêu. Trước khi có Trời Đất đã có Đạo. Vậy Đạo đã tạo nên Càn Khôn vũ trụ, hóa sanh vạn vật muôn loài. Muôn loài vạn vật phải thọ bẩm Khí Hư Vô mà sanh hóa mãi mãi.”*²

Vì Đạo có trước Trời Đất (tức vũ trụ vạn vật) và muôn loài muôn vật phải thọ bẩm Khí Hư Vô (Đạo) mà sanh hóa mãi mãi, nên Đạo chính là Bản thể của vũ trụ vạn vật.

Đạo “*tạo dựng nên Càn Khôn vũ trụ*” và “*hóa sanh vạn vật muôn loài*” nên Đạo cũng chính là nguồn gốc tối sơ của vũ trụ vạn vật. Như thế, Đạo được coi như một động năng khởi thi và vĩnh cửu.

Từ ngàn xưa, các bậc giáo tổ đã dùng chữ Đạo với ý nghĩa rất bao quát, rất hàm súc, nên từ ngữ “Khí Hư Vô” có thể thay thế chữ “Đạo” khi muốn nói đến ý nghĩa “bản thể” của vũ trụ. Thánh ngôn có nói: “*Nếu không có Hư Vô Chi*

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 02-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 9 “Đại Đạo luận”, tr.66.

Khí thì không có Thầy”¹, “Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi”.²

From ancient ages, the religious founders have employed the word “Tao” (the “Way”)

1.2.2. Bản thể vũ trụ chính là Vô Cực

Giáo lý Đại Đạo còn đồng nhất Vô Cực với Bản thể vũ trụ.

Vô Cực là khoảng không gian mật mật mờ mờ với Khí Hồng Môn có trước Thái Cực:

“Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian ấy còn đương mật mật mờ mờ với Khí Hồng Môn, vì đó là còn trong thời kỳ hỗn nguyên vậy. Không gian ấy tức là Vô Cực.”³

Thái Cực do Nguyên Lý Thiên Nhiên và Nguyên Khí Tự Nhiên trong Vô Cực hợp thành:

“Trong Vô Cực ấy lại có một cái Nguyên Lý Thiên Nhiên tuyệt diệu tuyệt huyền, rồi lại có thêm một cái Nguyên Khí Tự Nhiên nữa. Lý với Khí ấy tức là Âm với Dương trong buổi Hồng Nguyên thời đại. Lý với Khí ấy lại lần lần ngưng kết với nhau mà đông tụ lại lâu đời nhiều kiếp mới thành ra một khối Tinh Quang rất đầy đủ các sự tốt đẹp. Chừng đúng ngày giờ khối ấy mới nổ tung ra (...), bèn có một điểm Linh Quang từ trong tiếng nổ ấy văng ra

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 13-6 Bính Dần (Jeudi 22 Juillet 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.32.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29-12 Bính Ngọ.

³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 23-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43 “Vũ trụ”, tr.410.

(...). Ấy là ngôi Chúa Tế của Càn Khôn vũ trụ đã biến hóa ra vậy; mà vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực (...)"¹

1.3. Cơ nguyên sinh hóa vũ trụ

Đạo, hay Khí Hư Vô, là Bản thể vũ trụ vạn vật. Nhưng sự hiện hữu của vạn vật đã phát sinh từ Bản thể theo một nguyên lý và hai quy luật cơ bản sau đây:

Nguyên lý Thái cực – Âm Dương. Nếu bản thể Hư Vô tịch tịnh của vũ trụ vẫn mãi im lìm, không phát động sinh Thái Cực thì không bao giờ có sự khởi đầu cuộc hóa sinh vũ trụ. Nên Đại Thừa Chơn Giáo viết:

*“[Thái Cực] lấy cơ thể Âm Dương mà phân thanh biến trước, làm máy động tịnh để gom tụ cái Khí Hư Vô động hóa sanh muôn loài vạn vật.”*²

Như vậy lẽ ra chỉ cần nói nguyên lý Thái Cực là đủ, vì chính Thái Cực đã hàm tàng hai năng lực Âm Dương. Thái Cực là thực tại chuyển tiếp từ ý niệm Bản thể sang ý niệm hóa sinh, nhưng thực chất Thái Cực cũng là Vô Cực.³

Luật cơ ngẫu. Nguyên lý Thái Cực -Âm Dương là nguyên lý tất yếu của một động năng nguyên thủy, vĩnh

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 23-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43 “Vũ trụ”, tr.410.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 23-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43 “Vũ trụ”, tr.410.

³ Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 2, mục 4, viết: “Vô Cực là Thái Cực, Thiên hay Địa là một. Nên đã nói: một vật hỗn nhứt trong Hư Vô.” Ngoài ra, cũng có thể tham khảo, ví dụ, Chu Liêm Khê (1017-1073); ông cho rằng: Vô Cực nhi Thái Cực (Vô Cực tức Thái Cực), Thái Cực bản Vô Cực (Thái Cực vốn là Vô Cực).

cửu, thống ngự từ nguyên sơ đến bất tận cuộc sinh hóa của vũ trụ.

Còn quy luật cơ ngẫu là nguyên tắc, là điều kiện bắt buộc để làm phát sinh năng lực tạo tác ra vạn vật. Luật cơ ngẫu đòi hỏi bao giờ cũng phải có đủ HAI công năng (để được chẩn: Ngẫu) đối ứng mới phát khởi được vận động sinh hóa; không bao giờ chỉ có MỘT công năng (tức lẻ: Cơ) mà phát động được sức hóa sinh. Sức hóa sinh này chính là yếu tố thứ BA của cơ nguyên sinh hóa vũ trụ vậy.

Nên Kinh Đại Thừa Chơn Giáo có viết:

*“Đức Thái Cực [mới] vận hành khí **chơn dương** hiệp cùng **khí âm** (âm dương là **cơ với ngẫu**). Khí âm dương hỗn hiệp nhau, đụng chạm mà hóa hóa sanh sanh, là do trong chỗ điều hòa, tương ứng, tương cảm, huân chung đầm ấm, mới tạo thành nghìn giống muôn vẻ, thiên hình vạn trạng,... không bao giờ ngừng nghỉ. **Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật**; nhưng vạn vật cũng phải quây đàu về một, là vì “nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bốn” (...) Cái lý Thái Cực là Lý Đơn Nhứt, cầm quyền sanh hóa, thống chương Càn Khôn.”¹*

Luật Trung Hòa. Trong cơ nguyên sinh hóa, đã nêu lên nguyên lý Thái Cực, luật Âm Dương cơ ngẫu mà không đề cập đến luật Trung hòa thì thiếu giai đoạn ba của tiến trình: “Một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật.”

Bởi thế Đại Thừa Chơn Giáo nhấn mạnh:

¹ Đức Đại Đức Cao Tiên; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 30 “Tiên thiên cơ ngẫu”, tr.274.

“Luật Trời vô vi, nhưng cũng có hai cái năng lực mạnh bạo phi thường là “nhứt âm nhứt dương” mới tạo nên Càn Khôn vũ trụ. (...) Ấy là hai cái năng lực tương phản tương đối mà hóa hóa sanh sanh (...) Vậy thì cái sự sanh đó cũng do nơi hòa mà có. Thế nên Đạo của Trời Đất cũng bắt ngoại hai chữ Trung Hòa.”¹

1.4. Đại Linh Quang - Tiểu Linh Quang. Thượng Đế Vô Ngã - Thượng Đế Hữu Ngã.

Trong các đoạn kinh văn liên quan đến bản thể luận, những câu: “Muôn loài vạn vật thọ bẩm Khí Hư Vô mà sanh hóa mãi mãi” và Thái Cực “gom tụ Hư Vô đặng hóa sanh muôn loài vạn vật” cho thấy cơ nguyên sanh hóa vũ trụ vạn vật diễn ra theo nguyên lý Thái Cực - Âm Dương song song với nguyên lý Thiên địa vạn vật nhất thể. Nghĩa là trong Trời Đất, bất cứ nơi vật nào từ nhỏ cực nhỏ đến lớn cực lớn đều có động năng Thái Cực thúc đẩy hóa sanh với Bản Thể Hư Vô Chi Khí hàm tàng trong mỗi vật đó.

Hình tượng hóa tính chất nhất thể của vũ trụ vạn vật bằng “ánh sáng” đồng thời nhấn mạnh tính siêu việt của “ánh sáng” ấy, giáo lý Đại Đạo dùng từ Linh Quang. Một hệ quả của nguyên lý nhất thể này là nội dung của cặp phạm trù Đại Linh Quang – Tiểu Linh Quang:

“Điểm Linh Quang là gì? Là cái yển sáng mà thôi. Thái Cực là một khối Đại Linh Quang, chia ra, ban cho mỗi người một điểm Tiểu Linh Quang.”²

¹ Đức Đại Đức Cao Tiên; 05-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 31 “Hậu thiên cơ ngẫu”, tr.280.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 32 “Luận về Đại Đạo tâm truyền”, tr.300.

Như thế mặc dù giáo lý Đại Đạo có quan niệm hữu ngã (đồng thời có quan niệm vô ngã) về nguồn gốc vũ trụ nhưng không quan niệm Hóa Công (Thượng Đế) và tạo vật (vũ trụ) khác biệt nhau về bản thể:

*“Đạo là ngôi Nhứt Nguyên Chủ Thể,
Đạo cũng là đồng thể vạn linh;”*¹

hay là:

*“Con là một Thiêng Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể Linh Quang.”*²

Khi trình bày về Bản Thể cũng như về cơ nguyên sanh hóa vũ trụ vạn vật, giáo lý Đại Đạo đồng thời cũng nêu lên quan niệm về Thượng Đế Vô Ngã và Thượng Đế Hữu Ngã.

Nếu đơn thuần quan niệm Thái Cực như một động năng siêu việt, nguyên sơ, vĩnh cửu và phổ quát, Thái Cực đồng nghĩa với Thượng Đế Vô Ngã.

Nếu phát biểu: “Ngôi Thái Cực toàn tri toàn năng”, “Thái Cực lâm trần buổi hạ nguơn”³ hoặc quan niệm Thái Cực là một chủ thể, là Thầy⁴ thì Thái Cực đồng nghĩa với Thượng Đế Hữu Ngã.

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thánh Giáo Suu Tập 1966-1967, tr.35.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thánh Giáo Suu Tập 1966-1967, tr.36.

³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 44 “Địa cầu 68”, tr.420. Mệnh đề này xưa nay rất hiếm được dùng. Thường viết: Thượng Đế giảng trần; Thượng Đế lâm phạm. Ở đây từ “Thái Cực” đã được hữu ngã hóa.

⁴ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.32: “Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi (...)”

Giáo lý Đại Đạo còn dung hợp cả hai quan niệm này, nghĩa là Thượng Đế vừa Vô Ngã vừa Hữu Ngã.¹

Qua nguyên lý Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể, ngoài cặp phạm trù Đại Linh Quang – Tiểu Linh Quang, quan niệm Thượng Đế Vô Ngã hiện hữu đồng thời với Thượng Đế Hữu Ngã của giáo lý Đại Đạo đã nêu lên tính nhất thể và nhất nguyên của vạn vật trong vũ trụ.

2. SỰ VẬN ĐỘNG VÀ BIẾN HÓA CỦA VŨ TRỤ

Sự vận động và biến hóa trong vũ trụ không bao giờ ngừng nghỉ, và diễn ra theo hai quy luật:

- Quy luật Âm Dương tương tác.
- Quy luật tuần hoàn quy nguyên.

2.1. Quy luật Âm Dương tương tác

Theo Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Khí Âm Dương bắt đầu hóa sanh vạn vật, muôn loài vạn vật cứ hóa sanh mãi mãi đời nọ sang đời kia không bao giờ ngưng nghỉ. Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật.”*²

Quy luật vận động này có thể được diễn tả theo hệ thống: Vô Cực – Thái Cực – Lưỡng Nghi của Dịch học.

¹ Trong Kinh Thiên Đạo và Thể Đạo (kinh cúng tứ thời của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ), bài xưng tán Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, có câu: “*Đại La Thiên Đế, Thái Cực Thánh Hoàng (...)*” Đại La (Lưới Trời, ám chỉ Luật Tạo Hóa) và Thái Cực là quan niệm về Thượng Đế Vô Ngã; Thiên Đế và Thánh Hoàng là quan niệm về Thượng Đế Hữu Ngã.

² Đức Đại Đức Cao Tiên; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 30 “Tiên thiên cơ ngẫu”, tr.276.

2.2. Quy luật tuần hoàn quy nguyên

Tiếp theo đoạn kinh văn trên, Đại Thừa Chơn Giáo viết:

“Nhưng vạn vật cũng phải quay đầu về Một, là vì Nhất Bốn tán vạn thù, vạn thù quy Nhất Bốn.”¹

Vậy sự vận động hóa sinh của vạn vật không phải là không có đường lối mà “cứu cánh” quay trở về gốc phát sinh. Gốc này gọi là Nhất (Bốn) để đối chiếu với Vạn (vạn thù, vạn vật). Do đó, chiều thứ nhất của sự vận động là chiều đi từ đơn giản đến phức tạp hay từ Vô đến Hữu. Chiều thứ hai là chiều đi từ phức tạp đến đơn giản hay chiều đi từ Hữu đến Vô.

Ý nghĩa của quy luật tuần hoàn này rất quan trọng. Và “Nhất Bốn tán vạn thù, vạn thù quy Nhất Bốn” là nguyên lý chi phối hệ thống giáo lý Đại Đạo, đặc biệt quan niệm về sự tiến hóa của vũ trụ.

3. VŨ TRỤ TÂM LINH

Càn Khôn vũ trụ không phải chỉ là vũ trụ hữu hình với vô số tinh cầu, thiên thể vận chuyển trong không gian, mà còn bao hàm vũ trụ vô hình của các cõi tâm linh.

Giáo lý Đại Đạo cho rằng, trong Bản thể đồng nhứt của vũ trụ, vũ trụ tâm linh có thể chia thành bảy cõi từ cao đến thấp, từ thanh đến trược, tương ứng với trình độ tiến hóa của những chơn linh thuộc về các cõi ấy.

Bảy cõi gồm: Thái cực, Lương nghi, Tứ tượng, Bồ đề, Thượng giới, Trung giới, Hạ giới (trần gian).

¹ Đức Đại Đức Cao Tiên; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 30 “Tiên thiên cơ ngẫu”, tr.276.

Bảy thể tương ứng tùy theo nấc thang tiến hóa của các chơn linh: Tiên thể, Kim thân, Thượng trí, Hạ trí, Vía, Phách, Xác trược.

Vũ trụ tâm linh:

BẢY CỖI	BẢY THỂ
Thái cực	Tiên thể
Lưỡng nghi	Kim thân
Tứ tượng	Thượng trí
Bồ đề	Hạ trí
Thượng giới	Vía
Trung giới	Phách
Hạ giới (trần gian)	Xác

Xác tín vũ trụ tâm linh như trên, giáo lý Đại Đạo cho phép rút ra hai điểm quan trọng:

- Trong vũ trụ, chẳng những có vật thể, sinh vật, còn hiện hữu vô vàn chủ thể tâm linh.
- Trong vũ trụ có những nấc thang tiến hóa. Tiến càng cao, càng lột bỏ các cấu thể hữu hình hữu chất, trọng trược, u tối; để trở nên vô hình, vô chất, thanh khiết, sáng suốt và siêu việt.

Kinh Đại Thừa Chơn Giáo nêu rõ tiến trình ấy như sau:

“Ngày nào các con bỏ xác phàm này là ngày các con cởi bỏ bớt một cái áo của các con; rồi các con sanh qua

Trung giải, thì các con cắt lìa cái Phách ra, tức là cõi thêm một cái thể nữa. Đến Thượng giải thì bỏ cái Vía; đến Bồ đề thì bỏ cái Hạ trí; đến Tứ tượng thì bỏ cái Thượng trí; đến Lưỡng nghi bỏ cái Kim thân; đến Thái Cực thì Linh Hồn được hiệp cùng Tạo Hóa.”¹

4. SỰ TIẾN HÓA CỦA VŨ TRỤ

Quan niệm tiến hóa của giáo lý Đại Đạo dựa trên hai nguyên lý:

- Thiên địa vạn vật nhất thể.
- Nhất Bồn tán vạn thù, vạn thù quy Nhất Bồn.

Vì vũ trụ vạn vật có chung một bản thể, mà bản thể này vừa là phẩm chất tốt đẹp tối thượng bất diệt, vừa là nguồn gốc hóa sinh vạn vật, nên nấc thang tiến hóa của vạn vật – trong đó có con người – chính là trở về được, là đạt được sự toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ của Bản Thể.

Chính tính nhất thể trong vạn vật là năng lực và động lực của cuộc tiến hóa.

Nguyên lý “Nhất Bồn tán vạn thù, vạn thù quy Nhất Bồn” trong sự tiến hóa đã trở thành “Thiên cơ”, “Thiên luật” của Thượng Đế, và “quy Nhất” trở nên “cứu cánh” của con người.

Là Thiên cơ, Thiên luật vì chính Đức Thượng Đế (cũng là Đạo, là Khí Hư Vô) thúc đẩy vạn vật – đặc biệt là con người – tiến hóa để hiệp nhất với Ngài:

¹ Đức Nam Phương Giáo Chủ; 22-9 Bính Tý (5 Novembre 1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1956), bài “Điều Cần Yếu Của Người Luyện Đạo”, tr.48.

“Thầy là Hư Vô Chi Khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi. Nên chỉ trong thời Hạ Nguơn chính mình Thầy dùng Khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt thấu hồi những điểm Linh Quang đã cho xuống trần gian trở về với khối Đại Linh Quang”¹

Dù vậy, cuộc trở về này không phải là sự biến hóa của phép thần thông, mà phải noi theo con đường Đại Đạo chính là theo đúng quy luật vận hành của vũ trụ:

“Các con đã sinh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi Thượng Thiên Vô Cực.”²

Nơi con người, cuộc tiến hóa trở thành con đường phản bổn hoàn nguyên. Hoàn nguyên không phải chỉ là trở về khởi điểm, mà có ý nghĩa tiến hóa trở nên một chủ thể hoàn thiện, không đơn thuần là một điểm Tiểu Linh Quang như khi tách ra khỏi Đại Linh Quang, mà còn vượt lên đến phẩm vị Thiêng Liêng cõi Thiên Đình:

*“Trời với muôn loài một Bản Nguyên,
Cũng trong Linh Tánh, cũng tâm điền;
Linh Quang một khối chia nhiều ỨC,
Người, vật, tương đồng với Phật, Tiên.*

*Luật Trời mầu nhiệm lắm ai ơi,
Một kiếp vì nhân quý một đời;
Linh tánh khôn ngoan hơn vạn vật,
Tu hành chắc thiết sẽ thành Trời.”³*

Cho nên sự kỳ diệu của nguyên lý “Thiên Địa vạn vật Nhất Thể và nguyên lý “Nhất Bản tán vạn thù – vạn thù

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29-12 Bính Ngọ.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.7.

³ Đức Quan Âm Bồ Tát; Thánh Giáo Suu Tập 1966-1967, tr.117.

quy Nhất Bồn” được tìm thấy ngay nơi con người đang vươn mình tiến hóa.

“Người hành giả muốn tu chứng đắc quả, giải thoát luân hồi, phải đi theo con đường phản Bồn hườn Nguyên là trở về nguồn gốc con người; mà nguồn gốc con người không ngoài cái vũ trụ riêng tư của con người.”¹

Trong vũ trụ con người, chính Chơn Thần là nguồn gốc (Thần, Phật giáo gọi là Tánh; Đạo học còn gọi là Khí Thể Tiên Thiên)². Cho nên cuộc tiến hóa của vạn vật chỉ đến con người không chỉ đơn thuần là những biến đổi thể xác hay tinh thần của muôn ngàn thế hệ tại thế gian và chấm dứt tại thế gian cho mỗi cá thể, mà đây là cuộc tiến hóa xuyên suốt từ vũ trụ hữu hình sang vũ trụ tâm linh:

“Bạc chơn tu tử như hột giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa Chơn Thần, Chơn Thần lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoai. Ấy là Đạo.”³

Cho nên cứu cánh tiến hóa của chúng sanh chính là cứu cánh giải thoát khỏi cái tồn tại hữu hình hữu hạn để bước sang sự tồn tại vô hình vô hạn của tâm linh. Đây là con đường xuất thế gian đã được giáo lý Đại Đạo khẳng định,

¹ Đức Đông Phương Chương Quán, Vĩnh Nguyên Tự, 04-12 Ất Mão.

² Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 29-3 Mậu Ngọ.

³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 13-6 Bính Dần (Jeudi 22 Juillet 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.31.

và con đường tiến hóa xuất thể gian cũng phải có nhiều nấc thang mới đến được hiệp nhất với Đức Thượng Đế:

“Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật.”¹

“Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy.”²

Tóm lại, giáo lý Đại Đạo trình bày một vũ trụ luận gồm đủ ba mặt của một hệ thống tồn tại khách quan: Nguồn gốc, sự vận động, sự tiến hóa của vũ trụ vạn vật. Vũ trụ luận Đại Đạo bao hàm các nguyên lý quan trọng:

- Thái Cực – Âm Dương,
- Thiên Địa vạn vật Nhất Thể,
- Nhất Bồn tán vạn thù, vạn thù quy Nhất Bồn.

Đó là những nguyên lý dẫn đạo cho các luận thuyết về Bản Thể, về sự biến hóa, sanh hóa của vũ trụ vạn vật.

Thuyết tiến hóa chính là hệ quả của ba nguyên lý đó, hoàn thành một luận thuyết nhất quán về sự chuyển hóa của tiểu vũ trụ con người từ hữu hình đến Hư Vô.

Vũ trụ luận Đại Đạo còn nêu lên sự hiện hữu giữa vũ trụ tổng thể với hai chủ thể trung tâm là Thượng Đế và Con Người. Giáo lý Đại Đạo đã đồng nhất quan niệm vô ngã với quan niệm hữu ngã trong phạm trù Thượng Đế (chủ thể vận

¹ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương; Phước Linh Tự, 15-9 Bính Dần (Dimanche 24 Octobre 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.52.

² Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương; Phước Linh Tự, 15-9 Bính Dần (Dimanche 24 Octobre 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.52.

hành vũ trụ) và trong phạm trù Con Người (chủ thể nhận thức cứu cánh tiến hóa và chủ động thực hiện cuộc tiến hóa). Cặp phạm trù Đại Linh Quang - Tiểu Linh Quang khẳng định hai chủ thể Trời Người đồng một Bản Thể (đồng nhất thể), đó là Linh Quang.

5. KẾT LUẬN

Vũ trụ luận Đại Đạo với quan niệm về con đường tiến hóa của vũ trụ vạn vật cho thấy sự hiện hữu của một vũ trụ tâm linh vượt lên trên và bao quát vũ trụ vạn vật. Trung tâm của vũ trụ tâm linh là Chơn Thần của Đức Thượng Đế, nơi quy tụ Chơn Thần của các hàng chủ thể đã và đang giải thoát.

Nói cách khác, vũ trụ luận Đại Đạo còn là nền tảng để xây dựng hệ thống tư tưởng về con người, nhân sinh và đạo pháp, để người tu nhận thức một đạo lý nhất quán dẫn đến cứu cánh cao tốt của mình là hiệp một cùng Trời, cũng như dẫn đến sứ mạng cứu độ cộng đồng nhân loại là trực tiếp tham gia cùng Trời, vận hành cho vạn loại cùng tiến hóa.

MỤC 2

ĐẠO – THUỢNG ĐẾ

“Bản thể của Trời Đất, bản tánh của con người, bản năng của vạn vật, ba thứ đó đều do một nguyên lý phát xuất mà thôi; nguyên lý đó gọi là Đạo.”¹

Đạo là một thực thể vô sinh bất diệt, vô sở bất tại, tự hữu và hằng hữu. Thực thể này là căn nguyên tối sơ *duy nhất* của vũ trụ, yếu tố cơ bản *duy nhất* cấu tạo nên vạn vật, và động lực vận hành *duy nhất* của cơ dịch hóa. Tính chất *duy nhất* ấy là một tính chất tuyệt đối, vì vậy, thực thể Đạo được gọi là *Nhất Thể*.

1. ĐẠO

Đạo vận hành theo chu trình: Nhất Thể biến sinh Tam Cực, Tam Cực biến sinh vạn pháp, vạn pháp trở về Nhất Thể.

1.1. Nhất Thể biến sinh Tam Cực

Tam Cực là ba trạng thái căn bản của Nhất Thể Đạo. Đó là: Vô Cực, Thái Cực, và Hoàng Cực.

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 1, mục 2.

1.1.1. Vô Cực

Vô Cực là trạng thái nguyên sơ, bất dịch, và tiềm ẩn của Đạo, được gọi là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí, hay gọi tắt là Khí Hư Vô. Đó là cội nguồn của Thiên Địa; tuy Hư Vô, nhưng hàm tàng mọi đức tính của vạn vật, nên còn được gọi là Chân Không Diệu Hữu. Các đức tính ấy chưa được phân biệt, còn lẫn lộn vào nhau, tạo thành một thể hỗn độn. Vì vậy, giai đoạn Vô Cực còn được gọi là Hỗn Nguyên, tức là thời kỳ hỗn độn sơ khai.

Trong Vô Cực có hai yếu tố, vừa bảo tồn bản thể bất dịch, vừa vận chuyển cơ biến dịch, là Nguyên Lý Thiên Nhiên và Nguyên Khí Tự Nhiên, chính là Âm Dương Tiên Thiên ở thời kỳ Hỗn Nguyên:

“Trong Vô Cực ấy lại có một cái Nguyên Lý Thiên Nhiên tuyệt diệu, tuyệt huyền, rồi lại có thêm một cái Nguyên Khí Tự Nhiên nữa. Lý với Khí ấy tức là Âm với Dương trong buổi Hồng Nguyên thời đại.”¹

Nguyên Lý Thiên Nhiên, còn được gọi là luật Thiên Điều, là một Lễ Thật đương nhiên, bất biến, làm nền tảng cho mọi định luật của Thiên Địa; đó cũng là nguyên lý kiến tạo vạn hữu, vận hành vũ trụ, bảo tồn và dưỡng dục muôn loài:

“Vô Cực, hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo, là Thiên Tắc, Thiên Điều; Nó là cái luật mà vũ trụ vạn pháp phải theo đó. Đó là cái khuôn đúc nên con hình Càn Khôn vạn hữu.

¹ Đức Đại Đức Cao Tiên; 23-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43, “Vũ Trụ”, tr.410.

Luật ấy rất sinh động, ẩn kỹ vào tâm tư của người, vật, Đất Trời.”¹

Nguyên Khí Tự Nhiên là nguồn năng lượng trường cửu để tạo nên sự sống, là nguồn chất liệu vô hình vô chất để xây dựng nên tâm linh và hình thể của vạn vật.²

Lý và Khí ấy phối hợp nhau, tạo nên những vận động tế vi trong Vô Cực, tinh lọc dần dần những tinh ba của Khí Hư Vô để khai sinh Ngôi Thái Cực.

Bởi vậy, về đại thể, Vô Cực là một kết hợp hỗn độn giữa những cảnh giới trống rỗng, mịt mờ, im lìm, vắng lặng, không di dịch, không hình tướng; nhưng trong tế vi, Vô Cực vẫn vận hành không ngừng để tích lũy dần dần một nội lực mạnh mẽ, lập thành trạng thái kế tiếp, là Thái Cực.

1.1.2. Thái Cực

Trong lòng Vô Cực, Nguyên Lý Thiên Nhiên và Nguyên Khí Tự Nhiên dần dần kết hợp với nhau, tạo thành một khối Tinh Quang tuyệt đối hoàn hảo. *“Đúng ngày giờ”³*, khối Tinh Quang này bùng nổ, tạo ra một khối Đại Linh Quang, hay là Thái Cực.

Thái Cực là trạng thái trung gian giữa vô vi và hữu vi, hiện hữu sau *cái-Không-sắp-có* và trước *cái-Có-chưa-có*:

“Giữa hai thể Có và Không là Thái Cực. Thái Cực sau cái Không sắp có, trước cái Có chưa có...”⁴

¹ Đạo Học Chí Nam, chương 1, tiết 2, mục 4.

² Theo “Phật Mẫu Chơn Kinh” (trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo), tâm linh và hình thể của vạn vật được tạo nên từ Vô Cực.

³ Cách dùng từ của Đại Thừa Chơn Giáo.

⁴ Đạo Học Chí Nam, chương 3, tiết 2, mục 2.

Như vậy, với sự xuất hiện của Thái Cực, Đạo chuyển từ tiềm thể sang hiện thể, tức là, từ một bản thể hư vô sang một chủ thể sáng tạo.

Thái Cực thanh tịnh trong vận động, phân Âm Dương làm cơ cấu sáng tạo: sự vận động của Thái Cực sinh ra Dương, sự tịnh định của Thái Cực sinh ra Âm. Sự thăng giáng của Âm Dương phân định trong Vô Cực một cảnh giới vô hình, gọi là Càn Khôn, hay Thiên Địa, tức là Trời Đất:

“Lý Đơn Nhứt ấy [tức là Thái Cực] mới phóng ra một vầng quang minh, phân định: khí khinh thanh thượng phù giả vi Thiên, khí trọng trược ngưng giáng giả vi Địa. Khí nhẹ nhàng bay bổng lên làm ngôi Càn, Càn là Thiên, tức là Nhứt Dương chi Khí; Khí nặng nề ngưng giáng xuống làm Khôn, Khôn là Địa, nhứt Âm chi Khí. Cái năng lực mạnh bạo của khí Âm Dương vắn vắn quanh lộn, lẫn tròn, đùn đẩy nhau trong khoảng không gian; khí Dương động, Âm tịnh; Âm thì đứng một chỗ, còn Dương thì bao quát Càn Khôn.”¹

Càn Khôn là khuôn mẫu vô hình để Âm Dương kết hợp nên thời gian và không gian mà lập thành vũ trụ. Vũ trụ là hình thức do Âm Dương xây dựng để biểu thị sự hiện hữu của Càn Khôn.

Âm Dương được kết hợp theo hai phương thức khác biệt để tạo thành thời gian và không gian: thời gian được tạo thành trong sự tiếp diễn của Âm Dương theo định luật “*Dương cực Âm sinh, Âm cực Dương sinh*”; không gian

¹ Đức Đại Đức Cao Tiên; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 30 “Tiên thiên cơ ngẫu”, tr.276.

được tạo thành trong sự đối ngẫu của Âm Dương theo định luật “*Trung Âm hữu Dương, trung Dương hữu Âm*”. Sự hợp nhất này chính là vũ trụ:

*“Âm là Vũ, Dương là Trụ. Vũ thì đóng ghép trong găm trời; Trụ thì mở rộng ra. Trụ cũng là thời gian, là Âm Dương nối tiếp nhau; Còn Vũ là không gian, là Âm Dương đồng thời tương đối.”*¹

Thời điểm tạo lập vũ trụ là một cột mốc phân định ranh giới giữa Tiên Thiên và Hậu Thiên: “*Tiên Thiên là trước khi có Trời Đất. Hậu Thiên là sau khi Trời Đất, vạn vật sanh thành.*”²

Âm Dương trong Thái Cực vẫn còn là Âm Dương Tiên Thiên, vì Âm Dương ấy tuy có động tịnh nhưng chưa biểu lộ thành hình tướng. Khi Dương thịnh, Đạo hiện hữu trong trạng thái hoạt động của Thái Cực; khi Âm thịnh, Đạo trở về trạng thái tĩnh tại của Vô Cực:

*“Chơn Nguyên động, sanh Dương, thì gọi là Thái Cực. Thái Cực động sanh Dương, rồi tịnh sanh Âm; là theo kinh Châu Dịch. Kỳ thiệt, Thái Cực động sanh Dương, rồi hết động là tịnh, thì huồn lại Vô Cực, gọi là sanh Âm.”*³

Khi Âm Dương hiệp “*đúng mức*” với nhau, thì Đạo chuyển sang trạng thái thứ ba, là Hoàng Cực.⁴

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 4, mục 2.

² Đức Trần Hưng Đạo; Bát Nhã Thiền Đường, Tuất thời 23-10 Quý Sửu.

³ Minh Lý Chơn Giải, tr.12.

⁴ Minh Lý Chơn Giải, tr.13.

1.1.3. Hoàng Cực

Hoàng Cực là Tánh Mạng của vạn vật và con người ¹. Tánh Mạng ấy vốn là Âm Dương trong Vô Cực, ngưng kết thành Thái Cực:

“Tánh Mạng là gì? Là Âm Dương, là Thần Khí đã xuất phát từ thuở Hồng Mông. (...). Thuở Hồng Mông chưa phân (Dịch gọi Vô Cực, Thích gọi Oai Âm), trong trạng thái lặng lẽ trống không đó có hàm chứa cái huyền nhiệm, là Cơ, tức là Khí Tiên Thiên. Tĩnh cực sinh động; khí sinh động là khí vẫn xoay vô tận, sanh hóa vô cùng. Nhân chỗ không tên mà có tên, là Đạo, là Thái Cực, là Tánh, là Thần.”²

Vì Thái Cực là Đại Linh Quang, nên Hoàng Cực chính là Tiểu Linh Quang. Và do đó, diễn biến *Thái Cực sinh Hoàng Cực* chính là diễn biến *Đại Linh Quang phóng phát Tiểu Linh Quang* vào vũ trụ.

“Hoàng Cực là tổng hợp của hai thể Âm Dương”³; một mặt vì Hoàng Cực là kết quả phát sinh từ thể quân bình Âm Dương giữa Vô Cực và Thái Cực; mặt khác vì trong Tam Cực, Hoàng Cực là thực thể đóng vai trò phối hợp Âm Dương để tạo ra sự trung hòa trong vũ trụ.

Trong giai đoạn trước, Thái Cực phân lập Âm Dương, tạo thành Lưỡng Nghi; đến giai đoạn này, Hoàng Cực phối

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 4, mục 4.

² Đức Đông Phương Chương Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hối thời, 22-10 Mậu Ngọ.

³ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3

hợp Âm Dương, lập thành Tứ Tượng¹, rồi cùng với Tứ Tượng, Hoàng Cực lập thành Ngũ Hành² ở cả hai “mức độ” Tiên Thiên và Hậu Thiên. Sự tạo tác của Hoàng Cực là một sự tiếp nối liên tục đối với sự tạo tác của Thái Cực, và sự tiếp nối đó được minh chứng qua Ngũ Hành:

*“Nói đến Ngũ Hành thì ở đâu cũng có, từ Trời Đất, con người, mọi vật; hễ có Thái Cực - Âm Dương, có Tứ Tượng, là có Ngũ Hành. Sự tác động vô hình của Thái Cực - Âm Dương tạo thành Ngũ Hành hữu danh hữu chất, hữu tướng hữu hình. Ngũ Hành là trung gian giữa Hữu và Vô. Ngũ Hành cũng là yếu tố sơ thi góp phần cấu tạo nên vạn hữu cho Thái Cực - Âm Dương, cũng là Âm Dương tương phản nhưng tương thành để quyết định mọi mặt cho con người và vạn vật (...). Bởi có danh có chất nên gọi Ngũ Hành Tiên Thiên; bởi có hình có tượng nên gọi Ngũ Hành Hậu Thiên. Trong Trời Đất vạn vật, không có vật chi hóa sanh biến dưỡng mà không có Tiên Thiên, Hậu Thiên Ngũ Hành.”*³

Mỗi Tiểu Linh Quang – Hoàng Cực là trung tâm vi diệu của một cơ cấu Ngũ Hành, được gọi là hành “Thổ”, điều hòa toàn bộ hoạt động của cơ cấu này:

¹ Trong “Trỗi Tiếng Chuông Vàng”, bài “Lý Thiên Nhiên Của Tạo Hóa: Nhứt bản tán ư vạn thù xuất hữu”, Hoàng Cực - Tứ Tượng được đề cập đến như là kết quả của sự vận động của Thái Cực - Âm Dương (tr.45).

² Trong “Chon Pháp Lưu Truyền”, chương 1, có đề cập đến “Hoàng Cực Ngũ Hành”.

³ Đức Đông Phương Chương Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tý thời, 04 rạng 05-5 Đinh Tỵ.

“Thổ là nguyên lý của vạn vật, Tánh Mạng của muôn loài, của con người. Người nhờ có Thổ mà có xác có hồn (...) Mà Thổ còn có danh là Hoàng Cực.”¹

Do đó, Hoàng Cực là yếu tính, là căn cơ, là điểm Đạo tự hữu trong bản chất của vạn vật.

1.2. Tam Cực biến sinh vạn pháp

Thông qua quá trình tự khai triển của Nhất Thể Đạo – từ Vô Cực, sang Thái Cực, đến Hoàng Cực – mà Tam Cực thể hiện những diệu dụng, phát huy những công năng tự hữu để biến sinh nên vạn pháp.

Vô Cực biến sinh nên những cõi giới, tương ứng với mọi nấc thang tiến hóa trong Càn Khôn vũ trụ; và vận hành cơ tiến hóa để dưỡng dục muôn loài, bảo tồn vạn vật.

Thái Cực biến sinh nên các điểm nguyên hồn, phóng phát các phẩm hồn vào các cõi giới để tiến hóa.

Hoàng Cực biến sinh nên các thể hồn, từ thanh đến trược, bao bọc lấy điểm Linh Quang, cấu tạo nên hình hài của vạn hữu.

Dù ở trạng thái nào trong Tam Cực, Đạo vẫn luôn luôn vừa là một khí thể chứa đựng sự sống cho muôn loài, vừa là một lý thể vận hành mọi hoạt động của vũ trụ vạn vật.

Đạo là cội nguồn của vạn pháp trong Càn Khôn thế giới. Trong cơ dịch hành trường lưu bất tận của Đạo, vạn pháp muôn hình nghìn trạng được phát sinh với thiên sai vạn biệt. Công cuộc kiến tạo ấy được Tam Cực thực hiện qua cơ chế Âm Dương sinh thành, Ngũ Hành biến hóa.

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 4, mục 4.

Âm Dương và Ngũ Hành bao gồm cả hai phương diện tiên thiên và hậu thiên. Trên phương diện tiên thiên, sự tạo lập này chính là tạo lập bản thể cho vạn vật bằng cách phân chiết khối Đại Bản Thể của Càn Khôn vũ trụ. Nhưng trên phương diện hậu thiên, sự tạo lập này chỉ là một cuộc ảo hóa, vì đó chỉ là sự giả hiệp của Âm Dương và Ngũ Hành hậu thiên, để phát sinh những ảnh tượng. Do đó, sau mỗi chu trình sinh biến của hình thể vật chất, thì bản thể tâm linh của mỗi cá thể tạo vật là cái duy nhất thực tồn để đúc kết mọi thành tựu mà cá thể đó đã thu hoạch được sau một chặng hành trình trong cõi hậu thiên.

1.3. Vạn pháp trở về Nhất Thể

Tam Cực biến sinh vạn pháp, đặt vạn pháp vào trường tiến hóa để dưỡng dục và bảo tồn. Đó là tiến trình tạo hóa của Tam Cực.

Tiến trình tạo hóa của Tam Cực phải được tiếp diễn bằng tiến trình tiến hóa của vạn pháp. Trong cuộc tiến hóa này, vạn pháp phải tiến về cội nguồn nguyên thủy của mình, tức là trở về với Bản Thể Đạo duy nhất của toàn thể vũ trụ. Nói cách khác, tiến hóa tức là trở về, là quy nguyên. Tiến lên một nấc thang càng cao tức là trở về càng gần với Đạo.

Trong tiến trình này, Hoàng Cực đóng một vai trò hết sức đặc biệt:

“Hoàng Cực là tối cao. Đó là nền móng chung, của thông công trong Tam Cực.”¹

Trên thang tiến hóa, vị trí con người là một vị trí xung yếu; vì đó là giao điểm giữa Tiên Thiên và Hậu Thiên; chỉ

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3.

ở nơi đó, chủ thể của sự tiến hóa mới có khả năng đổi hướng giữa hai chiều thuận hành và nghịch hành. Từ vị trí này, Hoàng Cực trong chủ thể tiến hóa có thể phát huy vai trò chủ động của mình, và nhờ đó mà chủ thể tiến hóa siêu phàm nhập thánh:

“Hoàng Cực nơi người là trung tâm mẫu nhiệm, đồng thể cùng Trời Đất, đồng thể với Tâm của chư Tổ, chư Phật. Người nương đó mà chứng quả vô lậu, thoát kiếp luân hồi, đoạn diệt vô minh, thành ngôi đại giác.”¹

2. THƯỢNG ĐẾ

Thượng Đế và Đạo là hai danh từ được dùng để chỉ cùng một thực thể. Trong tầm nhận thức của nhân loại, Đạo – Thượng Đế biểu hiện thành vô số phương diện; nên con người có thể nhận thức được Thượng Đế từ vô số quan điểm và định danh Thượng Đế bằng vô số từ ngữ khác nhau: Ông Trời, Thiên Chúa, Hoàng Thiên, Phật, Bát Nhã (Prajna), Chơn Tâm, Chân Ngã, Đại Ngã, Như Lai, Brâmah, JHWH (Jehovah), al-Lah, Ngọc Hoàng, Chí Tôn, Đại Từ Phụ, Cao Đài,...

Thượng Đế có Ba Ngôi hiện hữu khắp trong không gian và thời gian, bên trong và bên ngoài mỗi hữu thể. Sự hiện hữu vô sở bất tại ấy chính là cơ sở của ý niệm về Thượng Đế Nội Tại và Thượng Đế Ngoại Tại: Thượng Đế Ngoại Tại tạo dựng và chương quản vũ trụ Càn Khôn, Thượng Đế Nội Tại ẩn tàng trong linh hồn vạn vật, tạo thành yếu tố căn bản để duy trì sự sống và khả năng tiến hóa của vạn vật.

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3.

Mặt khác, dù nội tại hay ngoại tại, Thượng Đế cũng có hai phương diện, là Vô Ngã và Hữu Ngã. Thượng Đế Vô Ngã là Chân Lý tự nhiên, vô hình, vô tình, vô danh; Thượng Đế Hữu Ngã là Đấng Tạo Hóa siêu nhiên, có đức hiếu sinh, có tình tạo hóa.

2.1. Thượng Đế Vô Ngã

2.1.1. Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại: Quy Luật Tính của thiên nhiên

Thượng Đế Vô Ngã Ngoại Tại là quy luật tính của thiên nhiên. Đó là tính chất buộc vạn vật phải tuân theo những quy tắc đương nhiên trong vũ trụ. Những quy tắc ấy không do bất kỳ ai quy định, mà là một khuôn khổ tự nhiên của sự hiện hữu.

Quy luật tính này còn được gọi là Thiên Lý, hay Đạo Lý.

*“Đạo dựng nên Đất Trời. Trời Đất do Đạo [mà] hóa sanh vạn vật. Vạn vật cũng do Đạo [mà] tiến hóa không ngừng. Vì vậy cho nên **trong vạn vật đều có Đất Trời, tức là có Đạo** vậy. Từ loài khoáng sản đến côn trùng, thảo mộc, thú cầm, và nhơn loại, đều chịu định luật chung của Đạo.”¹*

Cái “*định luật chung của Đạo*” ấy là Chân Lý phổ quát của vũ trụ, là nguồn gốc siêu nhiên của mọi quy luật cụ thể trong vạn vật.

Đó cũng là Nguyên Lý Thiên Nhiên, vốn sẵn có từ thuở Hồng Mong.

¹ Đức Di Lạc Thiên Tôn; Thánh Giáo Suru Tập 1966-1967, tr.10.

2.1.2. Thượng Đế Vô Ngã Nội Tại: Thượng Đế Tính trong vạn vật

Mọi vật trong vũ trụ đều có một bản tính phổ quát và đồng nhất trong nội thể, được gọi là Thượng Đế tính. Đây là một thuộc tính tiên thiên, nội tại và tự hữu nơi vạn vật, làm căn bản cho sự sinh tồn và phát triển của vạn vật.

Thượng Đế tính là duy nhất trong toàn thể vũ trụ. Tính chất Thượng Đế ở mỗi vật và mỗi người đều như nhau, nhưng tùy theo trình độ tiến hóa của mỗi loài mà bản tính duy nhất ấy được thể hiện ở những mức độ tương ứng; ví dụ, Thượng Đế Tính ấy thể hiện như là bản năng nơi sinh vật, nhưng lại thể hiện như là Nhân tính nơi con người. Giữa bản năng và Nhân tính, sự khác biệt chỉ nằm ở mức độ tiến hóa, chứ bản chất Thượng Đế của hai mức độ đó không khác nhau. Chính vì vậy mà giáo lý Đại Đạo nói:

“Bản thể của Trời Đất, bản tánh của con người, bản năng của vạn vật, ba thứ đó đều do một nguyên lý phát xuất mà thôi. Nguyên lý đó gọi là Đạo.”¹

Tiến hóa là một quá trình phát huy Thượng Đế tính. Càng phát huy được Thượng Đế tính bao nhiêu, càng đạt được những nấc thang tiến hóa cao trọng bấy nhiêu. Nhân tính là một sự phát huy Thượng Đế tính sâu rộng hơn bản năng, vì khả năng khống chế vật chất của Nhân tính mạnh mẽ hơn bản năng. Do đó, con người đạt được ở trình độ tiến hóa cao hơn vạn vật.

Hơn nữa, con người cũng là sinh vật có khả năng phát huy Thượng Đế tính một cách đầy đủ nhất và trong một

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 1, mục 2.

phạm vi tự do rộng lớn nhất, nếu so với vạn vật. Khi sống bằng bản năng, con người chỉ phát huy được Thượng Đế tính ở trình độ một động vật; chỉ khi sống bằng nhân tính, con người mới có thể phát huy được Thượng Đế tính ở trình độ của một con người. Sự lựa chọn trình độ tiến hóa cho chính mình hoàn toàn nằm trong tay mỗi cá nhân con người, chứ không nằm trong bất kỳ một thế lực ngoại tại nào.

2.2. Thượng Đế Hữu Ngã

2.2.1. Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại: Đức Chí Tôn của vạn linh

Về phương diện hữu ngã và ngoại tại, Thượng Đế là một Đấng Tối Cao tự hữu và hằng hữu, là mẫu mực hoàn hảo duy nhất đối với toàn thể nhân loại trên mọi tiêu chuẩn chân, thiện, mỹ.

Trong nhân loại, từ những xã hội bán khai lạc hậu đến những xã hội khoa học văn minh, ở bất kỳ không gian và thời gian nào, cũng có người nhận ra Ngài, thờ kính Ngài và sống theo những chuẩn mực của Ngài.

Ngài là Đấng Sáng tạo, Bảo tồn và Hủy diệt. Ngự ở Ngôi Sáng Tạo, Ngài kiến thiết nên muôn loài, muôn vật bằng lòng đại từ bi, bằng đức hiếu sinh vô biên và tình tạo hóa vô hạn. Ngự ở Ngôi Bảo Tồn và Hủy Diệt, Ngài vận hành guồng máy tiến hóa để chọn lọc cái tốt và đào thải cái xấu để đưa toàn thể Càn Khôn vũ trụ tiến dần đến chỗ chí chân, chí thiện, chí mỹ:

*“Bảo tồn những cái chơn, thiện, mỹ,
Hủy diệt điều ác, nguy, xấu xa,
Lọc vàng, loại chất cặn ra,*

Vàng càng nung lửa, càng già tuổi vàng.”¹

Thượng Đế Hữu Ngã Ngoại Tại là Đấng cứu độ muôn đời của nhân loại. Ngay từ khi con người mới bắt đầu xuất hiện trên thế gian này, Thượng Đế đã khai minh Đại Đạo trong lòng mỗi con người, mở sẵn con đường cho nhân loại trở về nguồn cội. Mỗi khi con đường ấy bị nhân loại làm cho bế tắc, Thượng Đế lại khai thông bằng cách cho những thiên sứ đến thế gian để sáng lập các tôn giáo, phát triển các khoa học,... hầu nâng cao trình độ nhận thức của nhân loại về đạo lý trong Trời Đất:

“Thượng Đế bảo tồn vạn loại có nhiều phương cách, mà việc khai đạo dạy đời là một trong nhiều phương cách ấy, vì Nhơn sanh có hiểu đạo, hành được đạo, thuận tòng thiên lý, hòa hợp vạn vật mới hưởng và thị hiện được cơ bảo tồn. Như vậy, những khoa học, triết học, xã hội học, thần linh học, v.v... tất cả các môn ấy đều do Thượng Đế ban những chơn linh siêu đẳng đến trần gian để phục vụ cho quần sinh.”²

Trong nền ngoại giáo công truyền của mọi tôn giáo, đức tin hướng về Đấng Thượng Đế Ngoại Tại luôn là yếu tố quan trọng nhất, vì phải có đức tin này, mỗi tôn giáo mới có thể xác lập các tiêu chuẩn chân, thiện, mỹ cho con người bằng cách noi theo mẫu mực chân, thiện, mỹ của Thượng Đế. Ngoài ra, đức tin này còn có tác dụng như một mối dây giao cảm để liên lạc giữa con người nội thể với Thượng Đế Ngoại Tại.

¹ Đức Quảng Đức Chơn Tiên; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 07-6 Tân Dậu.

² Đức Đông Phương Chương Quân; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.203.

Tuy nhiên, một đức tin hướng về Thượng Đế chỉ có ích lợi khi đức tin ấy đánh thức được ở con người ý thức về sự khai sáng Thượng Đế tính nội tại, và dẫn dắt con người đi từ chỗ khản cầu ở sự ban bố những huyền diệu nơi Thượng Đế Ngoại Tại đến chỗ khai thác những huyền diệu vốn đã sẵn có nơi tâm linh của chính mình.

Vì vậy, song song với nền ngoại giáo công truyền, bất cứ tôn giáo nào cũng có một nền nội giáo tâm truyền, giúp con người tìm lại Chơn Tâm, tự giải thoát mình ra khỏi những giới hạn chật hẹp của thế giới vật chất.

2.2.2. Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại: Chơn Tâm của con người

“Thái Cực là Chơn Tâm đó. Mọi người, mọi vật đều có Thái Cực.”¹

Do đó, trên phương diện hữu ngã và nội tại, Thượng Đế chính là Chơn Tâm của con người.

Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại là Chủ Thể thật sự của con người. Chủ Thể ấy cũng tuyệt đối hoàn hảo về mọi phương diện chân thiện mỹ như Đức Thượng Đế Ngoại Tại. Đây là một trong những lý do giải thích vì sao trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn Thượng Đế thường nói với nhân loại: *“Thầy là các con, các con là Thầy.”*

Tâm của con người khi *hướng nội* sẽ là Chơn Tâm, còn khi *hướng ngoại* sẽ là Vọng Tâm. Con người chỉ có thể trải nghiệm và nhận thức được Thượng Đế bằng Chơn Tâm mà thôi. Còn đối với những ai chỉ biết sống với vọng tâm, chắc chắn Thượng Đế sẽ không bao giờ hiện hữu.

¹ Đạo Học Chí Nam, chương 3, tiết 3, mục 3.

Giây phút nào con người nhận ra được Chơn Tâm, giây phút đó con người chứng nghiệm được Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại.

Chứng nghiệm được đến cùng lý tận tánh của Thượng Đế Hữu Ngã Nội Tại, tất sẽ chứng nghiệm được mọi phương diện bất khả tư nghị của Thượng Đế.

3. KẾT LUẬN

Mỗi tôn giáo, mỗi khoa học, hoặc mỗi khuynh hướng triết học đã từng xuất hiện trên thế giới từ xưa đến nay, tất phải tôn thờ, minh chứng hoặc xiển dương một phương diện nào đó của Chân Lý Duy Nhất về Đạo – Thượng Đế. Chân Lý vô cùng tận mà nhân loại luôn cố công suy tư, tìm kiếm bằng vô số con đường: duy lý, duy thần, duy tâm, duy vật,... tựu trung cũng chỉ có một, là Đạo, là Thượng Đế.

Chân Lý Đạo chính là nơi phát sinh ra mọi dòng sông tư tưởng muôn vẻ muôn màu, chảy qua mọi khía cạnh trong đời sống nhân loại, từ tâm linh đến nhân sinh, chuyên chở biết bao minh triết và đạo đức để bồi đắp và kiến tạo nên toàn bộ nền văn minh chung cho nhân loại. Chân Lý Đạo cung cấp cho mọi khuynh hướng tư tưởng một sức sống trường cửu; nhưng giòng tư tưởng nào từ chối thể hiện hoặc thể hiện quá mờ nhạt Chân Lý Đạo, giòng tư tưởng ấy dễ dàng bị tắt nghẽn giữa những hoang mạc khô cằn nơi tâm hồn nhân thế.

Nay, giáo lý Đại Đạo xiển dương Chân Lý Đạo để dung hòa tổng hợp mọi sắc màu tư tưởng, xoá tan mọi ảo giác về những sai biệt đối thù, khơi lại sức sống vốn có tự ban sơ để muôn vạn giòng sông cùng quy tụ về bản thể đại đồng nhân loại. Chính sự quy tụ ấy sẽ thị hiện một phép lạ giữa

nền văn minh đương đại: biến Chân Lý Đạo từ một bản thể vô hình thành một Thực Thể Đạo thuần chánh cứu thế, chuyển xoay lịch sử nhân loại từ mạt kiếp hạ nguơn sang thượng nguơn thánh đức.

MỤC 3

NGUYÊN LÝ

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

Nhận thức về Đạo và Thượng Đế ở mục trước là yếu điểm hết sức cơ bản của nền giáo lý Đại Đạo, nêu cao tính phổ quát làm nền tảng và cứu cánh của mọi tôn giáo.

Sau khi đã trực nhận được như thế, chủ thể con người – đứng giữa Trời Đất và vạn vật – có thể phát biểu một nguyên lý khái quát hóa toàn bộ chân lý của thực tại hiện hữu trước mắt, trong đó có cả chính mình. Bởi vì từ thuở sơ khai của sự sống, sự sinh tồn của vạn vật bao giờ cũng nằm trong môi trường sống của vũ trụ, được tổng hợp từ muôn vàn yếu tố của thiên nhiên, của không thời gian diễn biến không ngừng để sanh hóa và tiến hóa. Cái lẽ sống duy nhất và vĩnh cửu của vạn vật được bao hàm trong Trời Đất chính là Bản thể của vũ trụ. Và nguyên lý nói trên chính là Nguyên lý *Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể*.

Nguyên lý này có thể được diễn đạt bằng các mối tương quan giữa các phạm trù "Thiên địa" – "Vạn vật"; "Thiên địa" – "Con người"; "Con người – "Vạn vật; "Con người – "Con người".

1. TƯƠNG ĐỒNG – TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC PHẠM TRÙ THIÊN ĐỊA VÀ VẠN VẬT

Thiên Địa. Trong nguyên lý này, Thiên Địa (hay Trời Đất) không phải là không gian vũ trụ vật chất. Con người Đại Đạo nhìn Trời Đất như một tổng thể có sức sống vĩ đại mà giáo lý Đại Đạo có thể diễn giải bằng phạm trù Càn-Khôn. Càn, hay Thiên, là nguyên lý tác động và định hình (principe actif-formatif); Khôn, hay Địa, là nguyên lý tiếp thu nuôi dưỡng (principe réceptif-nutritif).

Như thế Thiên Địa là thực tại vĩnh cửu, cho dù các hành tinh hay muôn ngàn thiên thể có di chuyển, đổi thay, nổ vỡ hay biến mất.

Vạn vật. Tất cả vật chất và sinh vật là hiện thân của tiềm năng Trời Đất. Tiềm năng ấy là bản thể của Càn Khôn, cũng là bản thể của vạn vật. Giáo lý Đại Đạo dùng khái niệm LINH QUANG ám chỉ bản thể ấy trong các sở vật thực tại.

Trong phạm trù *vạn vật*, giáo lý Đại Đạo nhìn nhận rằng: vô số chủng loại đang hiện hữu không chỉ là những tạo vật thụ hưởng một bản thể chung, mà còn đang dự phần vào một dòng tiến hóa liên tục, trong đó, loài thô sơ là tiền thân của loài tinh tấn. Dòng tiến hóa này cuối cùng sẽ mang về cho Trời Đất những chủ thể hoàn hảo nhất, góp phần vào sự thành đạt cứu cánh chân thiện mỹ của Thiên cơ.

Vậy, Thiên Địa là bản thể, bản căn của cuộc sinh hóa, và là tồn tại vĩnh cửu của thực tại vũ trụ vạn vật, cho dù vạn vật cứ tiếp diễn vô số chu trình thành trụ hoại không. Còn bản thân sự hiện hữu của vạn vật là trường tiến hóa.

Giáo lý Đại Đạo gọi bản thể ấy là Khí, bản căn ấy là Lý để nêu lên mối tương đồng tương quan giữ thiên địa vạn vật trong cơ nguyên sinh hóa, biến hóa và tiến hóa của vũ trụ. Khí là tuyệt đối thể thuộc Vô cực; Lý là nguyên lý Âm Dương của Thái Cực Đại Linh Quang.

Tóm lại, “Trời Đất” và “vạn vật” có những tương quan mật thiết từ trong nguồn gốc hóa sanh, hình thành, công dụng và tiến hóa. Tất cả, theo giáo lý Đại Đạo, đều được bao hàm trong ĐẠO:

“Đạo dựng nên Đất trời. Trời đất do Đạo [mà] hóa sanh vạn vật. Vạn vật cũng do Đạo [mà] tiến hóa không ngừng. Vì vậy nên trong vạn vật đều có Đất Trời, tức là có Đạo vậy. Từ loài khoáng sản đến công trùng, thảo mộc, thú cầm, và hơn loại đều chịu định luật chung của Đạo”.¹

2. TƯƠNG ĐỒNG – TƯƠNG QUAN GIỮA THIÊN ĐỊA VÀ CON NGƯỜI

Vạn vật – kể cả con người – cũng có Bản thể Linh Quang đồng nhất, nhưng chỉ có con người là loài đạt thành cầu thể của một Tiểu Thiên Địa.

*“Người là Tiểu Thiên Địa đó,
Người với Trời nào có khác chi;
Hễ Trời có những món gì,
Người người đều cũng đủ y như Trời.”²*

Nói cách khác, Con Người là vũ trụ thu gọn, tức là một Tiểu Càn Khôn, một Tiểu Thái Cực.

¹ Đức Di Lạc Thiên Tôn; Trúc Lâm Thiên Điện, Ngọ thời, 02-01 Bính Ngọ; Thánh Giáo Suu Tập 1966-1967, tr.10.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-8 Bính Tý (13 Octobre 1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1956), bài “Thiên bản”, tr.63.

Vậy, ngoài Bản thể Linh Quang tương đồng, Đại Thiên Địa và Con Người lại tương đồng ở cơ nguyên vận động nội tại hoàn bị nhất của một Thái Cực.

Nhưng Con Người không phải là một hệ thống vận động vô tri. Giáo lý Đại Đạo xác tín Thượng Đế, Đấng Chủ tể Càn Khôn và cũng nhìn nhận Con Người là một chủ thể, một tiểu ngã tương ứng với Đại Ngã Thái Cực Thánh Hoàng (Thượng Đế).¹

Cái căn cơ của chủ thể Con Người là Chơn Tánh, là ánh sáng Linh Quang của sinh vật đạt đến nhân vị.

*“Tánh ấy là gì? Tánh là NGUYÊN LÝ sở dĩ sanh ra nhân loại; thế nên cái Bản Nguyên về tinh thần của con người là Lý. Lý ấy rất linh diệu thiêng liêng của Trời đã phân ra mà ban cấp cho mỗi người, nên Lý ấy tức là Tánh vậy.”*²

Như thế Thiên Địa và Con Người là hai thực thể thống nhất về bản thể, về cơ cấu, về cơ nguyên vận động nội tại và quyền năng chủ sử. Những mối tương quan nhạy bén giữa hai thực thể đó thường xuyên biểu hiện trên sinh lý lẫn tâm linh con người.

Điểm đặc biệt là khả năng cảm ứng giữa Thượng Đế và Con Người. Chính mối thông linh này là cứu cánh tiến hóa

¹ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 22-7 nhuận Mậu Thân: “Nếu đứng trên phạm vi con người thì trời đất là một vũ trụ bao la. Nhưng trên cương vị một hạt vi trần thì con người quả là một vũ trụ vô lượng. Trong vũ trụ, con người quả là một hạt cát trong bãi sa mạc hoang vu, nhưng là hạt cát biết suy nghĩ...”

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 16-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 38 “Tồn tâm dưỡng tánh”, tr.366.

giải thoát, đồng thời là điều kiện thực hành sứ mạng THỂ THIÊN HÀNH HÓA của Con Người Đại Đạo đối với nhân sanh.

“Trời với Người cũng đồng một lý, một khí mà ra thì không cảm ứng nhau sao được.”¹

3. TƯƠNG ĐỒNG – TƯƠNG QUAN GIỮA CON NGƯỜI VÀ VẠN VẬT, GIỮA CON NGƯỜI VÀ CON NGƯỜI

3.1. Con người và vạn vật

Vạn vật và con người cùng nguồn gốc với vũ trụ, vì đều là những thực tại được biểu hiện ra từ Đại Bản Thể duy nhất hay Vô Cực. Đương nhiên, hai đối tượng này tương đồng về Bản thể. Nhưng điểm đặc sắc là mối tương quan chặt chẽ trong sự sống và sự tiến hóa.

3.1.1. Trong sự sống

Con người không thể sống trong nhà kính, tách biệt với môi trường sống. Môi trường sống có sinh thái được cân bằng bởi sự sống của thế giới các sinh vật, từ thảo mộc cho đến côn trùng, chim chóc và muôn loài động vật khác.

Thứ nữa, con người phải tự nuôi sống mình bằng sản phẩm của thiên nhiên. Cơ thể con người là một tổng hợp tinh chất của vạn vật. Sự sống của con người và của vạn vật có mối tương quan tương ứng hài hòa, vừa trực tiếp vừa gián tiếp.

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 16-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 38 “Tồn tâm dưỡng tánh”, tr.366.

Tâm đức của con người trong sinh hoạt, trong đời sống xã hội có ảnh hưởng rất sâu sắc đến thiên nhiên-thời tiết, đến thể vận của chúng sanh:

“Nếu dân chúng nơi nào vô đạo ác tâm, thì địa phương đó phải xảy ra biết bao nhiêu cảnh đảo điên tai ách, nào chiến họa binh đao, đao tặc, thủy hỏa, hoành trùng, ôn dịch tưng bừng óng dậy nhiều hại dân sanh. Nếu dân chúng biết hồi đầu hướng thiện, biết trọng đạo tâm, biết làm lành lánh dữ, biết tu niệm học hành đạo lý, thì hãy vệt khoát những gì tối tăm đang che lấp đạo tâm để được sự cứu rỗi trong kỳ mạt kiếp.”¹

3.1.2. Trong sự tiến hóa

Mối tương quan giữa con người và vạn vật đã được xác định là hài hòa trong không gian, giáo lý Đại Đạo lại công nhận có sự chuyển tiếp liên tục giữa sự sống của vạn vật và con người qua thời gian vô tận. Đó là chu trình tiến hóa của vũ trụ vạn vật từ Bản Thể Đại Linh Quang hóa sanh khoáng sản, rồi từ khoáng sản tiến hóa lên thảo mộc, cầm thú, từ cầm thú đến con người qua vô vàn cuộc tái sinh.

Hai mối tương quan trong sự sống và trong sự tiến hóa trở thành quy luật nhất quán trong tổng thể sinh động và tiến hóa của vũ trụ theo nguyên lý Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo có viết:

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 27-01 Ất Mão.

“Người là gốc của muôn vật, muôn vật là ngọn của loài người; mà Trời Đất là gốc của loài người, người là ngọn của Trời Đất.”¹

Thế nên, vạn vật nhờ hiến thân phục vụ cho sự sinh tồn của thiên nhiên, cho loài người, đồng thời cũng được người chăm sóc nuôi dạy mà tiến hóa dần dần. Loài người với loài vật vốn như anh em đồng một Cha chung Tạo Hóa, anh lớn khôn phải thương yêu điu dắt em khờ dại để cùng tiến hóa mới xứng đáng “quyền huynh thế phụ”.

3.2. Con người và con người

Trong phạm trù con người, mối tương quan giữa cá thể và toàn thể càng mật thiết hơn.

3.2.1. Trên phương diện xã hội

Từ khi mới có loài người trên địa cầu, con người không thể sống đơn độc mà phải sống trong quần thể. Chính quần thể xã hội là mô hình sinh hoạt tự nhiên để bảo tồn và phát triển cuộc sống của những cá thể đồng loại, đồng tính, và hơn nữa đồng huyết thống trong quan hệ gia tộc.

“Đã nói rằng Đạo là phương châm để cứu đời, để tạo niềm tin, để gây dựng hạnh phúc toàn vẹn cho xã hội. Lễ dĩ nhiên, tôn giáo đạo lý phải nhắm vào cái đại thể to tát, cái sinh hoạt rộng lớn đó là nhân sanh.

Đạo lý không chỉ trọn vẹn trong giáo điều kinh sách, mà phải tràn lan trong sự thế, trong nhứt dụng thường hành của nhơn loại. Chấp nhận điều ấy, con người học đạo,

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 12-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 33 “Nhơn vật tấn hóa”, tr.306.

hành đạo sẽ ý thức việc tạo lập trật tự an lạc để thực hiện hạnh phúc cho nhân sanh.”¹

3.2.2. Trên phương diện dân tộc

Mối tương quan giữa cá thể con người và dân tộc rất đậm đà sâu sắc do quá trình lịch sử hình thành, đấu tranh để sống còn và lao động để tiến bộ và xây dựng nên nền văn minh chung của dân tộc. Nét đậm đà đặc sắc đó được tìm thấy ở lòng yêu nước dân tộc của mỗi người.

Xã hội và dân tộc thể hiện cao độ tính nhất thể của vũ trụ vạn vật với con người, đã vượt lên trên các sinh vật khác bằng lý trí và tình cảm của mình.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu đã dạy:

“Một vùng, một nước, con ban rải tình thương, dầu kẻ kia là thú mới tiến hóa nên người, bản tánh hung hăng thô bạo, nhưng không thô bạo trước sự vô về ban bố tinh thần vật chất, ban bố sự sống cho nó. Bởi những đũa hưởng phúc không biết tạo thêm cảnh thiên đàng cực lạc cho chính xã hội, quốc gia mình, nên mới có cảnh khổ ngày nay đó các con.”²

3.2.3. Trên phương diện nhân loại

Mối tương quan giữa con người và con người không phải chỉ mật thiết do tình cảm gia tộc, tình yêu dân tộc. Và nếu chỉ có thế, con người không được xếp vào hàng tam tài và cũng không thể phát biểu nguyên lý “Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể”. Giáo lý Đại Đạo nêu lên sự đồng nhất của mọi cá thể, của mọi dân tộc, của toàn thể nhân loại là Nhân

¹ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr.26.

² Đức Diêu Trì Kim Mẫu; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 11-11 Bính Thìn.

Bản. Nhân Bản là giá trị tiến hóa nên NGƯỜI, là khả năng phản ánh Thượng Đế tại thế gian.

Thế nên, xét theo quá trình tiến hóa, phải quý trọng quyền con người – dù là người ở trình độ nào, giai cấp nào. Xét về Nhân tính, phải có tình thương yêu đồng loại, không phân biệt màu da sắc tộc. Xét về Thượng Đế tính, phải xây dựng một thế giới hòa bình hạnh phúc tiến bộ về nhân sinh và thăng hoa cả tâm linh.

*“Vạn đóa hoa thơm một cội cành,
Nào người sứ mạng biết cho chăng?
Tình non đi với tình non loại,
Nghĩa nước chung nguồn nghĩa chúng sanh.”¹*

4. Ý NGHĨA CỦA NGUYÊN LÝ THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Sự khảo sát các mối tương đồng tương quan giữa các phạm trù THIÊN ĐỊA, VẠN VẬT và CON NGƯỜI đã làm nổi bật kết đề NHẤT THỂ của nguyên lý.

Đó là niềm xác tín vũ trụ vạn vật nhất thể. Nhất thể về bản chất, nhất thể về năng lực chuyển hóa, phát sinh, nhất thể trong quy luật dịch biến không ngừng. Bởi thế mà nhất thể trong vạn thù, trong vĩnh cửu và trong không gian vô định.

NHẤT THỂ, đó là TUYỆT ĐỐI THỂ

Thế nên nguyên lý đã quy chiếu vũ trụ vạn vật về Thượng Đế và kết luận khả năng tiến hóa của vạn vật, nhất là khả năng hiệp nhứt của Con Người với Thượng Đế.

¹ Đức Phan Thanh Giản; Thánh Giáo Sưu Tập 1970-1971, tr.211.

Với nguyên lý này, giáo lý Đại Đạo nhắc nhở tình thương yêu ruột thịt giữa nhân loại, và của nhân loại đối với vạn vật chúng sanh.

Nguyên lý còn cho con người niềm hy vọng vô biên ở tương lai cao đẹp của mình. Đức Chí Tôn mở Đạo kỳ ba đã trao cho loài người một phán định và là một tin mừng:

“Thầy là các con, các con là Thầy.”

Những ai đã có đức tin nơi Thượng Đế, hãy có đức tin mạnh mẽ nơi chính mình, sẽ đi đến tận cùng con đường chánh đạo, tiến hóa trở về Bản Nguyên Nhứt Thể, bất sanh bất diệt.

MỤC 4

NGUYÊN LÝ

NHẤT TÁN VẠN – VẠN QUY NHẤT

Đạo là Nhất Thể. Nhất Thể biến sinh Tam Cực, Tam Cực biến sinh vạn pháp, vạn pháp trở về Nhất Thể. Đó là nguyên lý Nhất Tán Vạn – Vạn Quy Nhất.

Sự vận hành của Đạo diễn ra theo những chu trình liên tục với hai bán trình. Bán trình *Nhất tán Vạn*, trong đó Nhất Thể Đạo biến sinh nên vạn pháp, diễn tiến theo chiều ly tâm, chính là *cơ Táo hóa*. Bán trình *Vạn quy Nhất*, trong đó vạn pháp hội tụ về Nhất Thể, theo hướng quy tâm, chính là *cơ Tiến hóa*. Cơ dịch hóa của Đạo là sự phối hợp giữa hai cơ trình tạo hóa và tiến hóa. Hai cơ trình này vừa tiếp diễn, vừa đồng thời. *Tiếp diễn*, vì có tạo hóa mới có tiến hóa, có tiến hóa mới có tạo hóa ở chu trình kế tiếp. *Đồng thời*, vì trong cơ tạo hóa đã có tiến hóa, trong cơ tiến hóa vẫn có tạo hóa.

1. NHẤT TÁN VẠN

1.1. Định nghĩa

Bán trình *Nhất tán Vạn*, tuy là một phần của nguyên lý vận hành, nhưng tự nó cũng là một nguyên lý độc lập. Đó là

nguyên lý của sự biến sinh và kiến tạo. Tùy vào lãnh vực mà nguyên lý này thể hiện nội dung; tuy nhiên, có thể tóm tắt các nội dung này vào bốn định nghĩa chính như sau:

Nhất là Đạo, *Vạn* là vạn pháp. *Nhất tán Vạn* có nghĩa là Nhất Thể Đạo biến sinh nên vạn pháp.

Nhất là Đại Linh Quang, *Vạn* là các Tiểu Linh Quang. *Nhất tán Vạn* có nghĩa là: Đại Linh Quang duy nhất tự phân chiết thành các Tiểu Linh Quang.

Nhất là bản thể tuyệt đối của vạn vật, *Vạn* là hình thể tương đối của vạn vật. *Nhất tán Vạn* có nghĩa là: bản thể tuyệt đối duy nhất của Càn Khôn vũ trụ thể hiện thành muôn vạn hình thể của vạn vật.

Nhất là Chơn Tâm, *Vạn* là vọng tâm, khi xét trong tiểu vũ trụ của con người. *Nhất tán Vạn*, là quá trình hướng ngoại của con người: Tâm biến sinh tình thức.

Trên đây, định nghĩa 1 là định nghĩa căn bản; các định nghĩa từ 2 đến 4 chỉ là các định nghĩa diễn giải của định nghĩa 1. Nói một cách tổng quát, *Nhất tán Vạn* là bản trình kiến tạo, khai mở, thiết lập, phóng phát, biến sinh, đa dạng hóa.

1.2. Các định luật

Trong bản trình Nhất tán Vạn, cùng với việc tạo dựng vạn vật, Nhất Thể Đạo thiết lập một cơ chế phổ quát trên toàn vũ trụ để quản trị và điều hành vạn vật. Cơ chế này được đặc trưng bởi ba định luật cơ bản: luật nhân quả, luật tương hòa tương hiệp, và luật âm dương động tịnh.

1.2.1. Định luật Nhân Quả

Định luật nhân quả ràng buộc vạn vật vào tổng thể vũ trụ bằng những mối liên hệ do chính vạn vật tạo ra:

“Sự Nhân Quả nó liên lạc chặt chẽ nhau, từ cõi vô hình đến cõi hữu hình hiện tại của đời các con. Nhân Quả nó theo dõi các con, từ kiếp trước sang kiếp này, rồi đến kiếp khác.”¹

Trong định luật nhân quả, có ba yếu tố tham dự vào và làm cho định luật hoạt động, đó là Nhân, Duyên, và Quả. Nhân là nguyên nhân, là mầm mống. Duyên là điều kiện. Quả là kết quả, hậu quả.

Định luật nhân quả có thể được tóm tắt như sau: Đã có Nhân, Duyên, tất yếu phải có Quả; Hiện tại là Quả của quá khứ và là Nhân, Duyên của tương lai; Quả có cùng bản chất với Nhân, nhưng có thể bị thay đổi phần nào do tác động của Duyên.

Nhờ mạng lưới nhân quả do chính mình góp phần tạo ra, vạn vật được liên hệ chặt chẽ với nhau trên quy mô toàn vũ trụ. Hoạt động hiện tại của mỗi phần tử đều ảnh hưởng đến tương lai của chính mình và của toàn vũ trụ. Như vậy, trong tương quan nhân quả, vũ trụ đương nhiên phải hiện hữu như một phức hợp thống nhất.

Do định luật nhân quả, mà từ một nguồn gốc ban đầu (Nhân) có thể phát sinh nhiều nhánh (Quả) vừa cùng bản chất với nhau vừa khác biệt nhau. Vậy, định luật nhân quả tạo nên cơ chế của quá trình Nhất tán Vạn.

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.72.

1.2.2. Định luật tương hòa tương hiệp

Cái Vạn không thể tồn tại nếu không hội đủ những điều kiện cần thiết. Chính định luật tương hòa tương hiệp ấn định những điều kiện tất yếu phải có để vạn vật có thể tồn tại bên cạnh nhau trong sự khác biệt của mình.

Định luật tương hòa tương hiệp có thể được tóm tắt như sau. Để có thể sinh tồn, vạn vật phải tuân theo hai điều kiện tất yếu:

- Điều kiện tương hòa: Mỗi sự vật phải có khả năng thích nghi (tương hòa) với những biến dịch của không thời gian mà sự vật đang hiện hữu.
- Điều kiện tương hiệp: Mỗi vật phải phối hợp (tương hiệp) với vạn vật, tạo thành một thể thống nhất.

Định luật này buộc mỗi sự vật phải hòa hiệp với vạn vật để sinh tồn:

“Vạn thể vũ trụ tự nó liên hiệp trong vòm trời đại thể. Chính nhờ vậy mà guồng máy pháp luân thường chuyển, làm sinh trưởng động hành mọi cá thể khép mình trong vũ trụ. Từ xã hội nhân sinh con người đến xã hội hành tinh, vân tú và vạn điệu nghìn ngư, vẫn tự nó phối hợp để tiến hóa trong sự điều hòa của vũ trụ.”¹

Ngược lại, sự bất hòa chỉ có thể dẫn đến tan rã và diệt vong:

“Trong Trời Đất, khi âm dương bất hòa sanh bão lụt. Cơ thể vận hành bất hòa nảy sanh bệnh hoạn ốm đau, buồn thương giận ghét. Một nhà bất hòa thì gia đình xáo trộn,

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 2, mục 1.

hạnh phúc lạt phai. Một xã hội bất hòa thì nảy sinh tranh giành chém giết, đạo tặc trộm cướp. Thế giới mà bất hòa ắt nảy sinh thế chiến.”¹

Không một cơ cấu hữu hình nào có thể tồn tại vĩnh cửu, nhưng trong khoảng thời gian hiện hữu của mỗi vật, luật tương hòa tương hiệp buộc vật đó phải thích nghi vào đời sống chung của vạn vật và cùng vận hành theo trật tự chung của vũ trụ đại thể. Nhờ sự ràng buộc đó mà vũ trụ đại thể vẫn trường tồn trong sự sinh biến liên tục của vạn vật.

1.2.3. Định luật Âm Dương động tịnh

Nếu không biến dịch, thì chỉ có Nhất Thể chứ không có vạn pháp; nói cách khác, vạn pháp chỉ hiện hữu và sinh trưởng biến hóa trong cơ biến dịch. Và định luật Âm Dương động tịnh là định luật điều khiển sự sinh trưởng biến hóa của vạn pháp.

Định luật Âm Dương động tịnh có thể được tóm tắt như sau: Vạn pháp đều được cấu tạo từ hai yếu tố đối ngẫu là Âm và Dương, biểu hiện thành hai trạng thái hiện hữu cơ bản là Động và Tịnh. Trạng thái Tịnh tạo nên sự ổn định, trạng thái Động tạo nên sự biến dịch của sự vật. Nhờ sự hòa hiệp giữa các tác động đối nghịch (Âm và Dương, động và tịnh), vạn vật mới có thể được sinh hóa và tiến hóa:

“Luật tắc âm dương động tịnh chứng minh sự tác động đối nghịch để chuyển vạn mọi sự tiến hóa được phát sinh từ sự mâu thuẫn tác hiệp. Sự mâu thuẫn ở đây phải nằm trong luật tắc tương hiệp tương hòa, bởi vì, nếu đi ngoài luật tắc

¹ Đức Liên Hoa Thánh Mẫu; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 10-3 Kỷ Dậu.

ấy, vạn hữu đối nghịch sẽ khởi thi cho sự phân tranh và tự diệt. Trái lại, nhờ nó mà vũ trụ mới sinh trưởng biến hóa, vẫn xây cho cuộc thể diễn phô thanh sắc, qua màn ảnh lục thức của con người. Màn đêm và ánh sáng không tiêu diệt nhau, mà chúng đã tạo lấy buổi bình minh hay cảnh hoàng hôn huy hoàng rực rỡ làm rung cảm bao kẻ ưu tư. Nhịp khúc ân tình có hay không, đều nằm trong luật tắc. Nhờ vậy, con người hiệp thành xã hội, thiết lập thế giới nhân sinh, biết bao nhiêu những vị chứng khác, mà con người có thể nhận thức được.”¹

Nhờ có Âm Dương trong cấu tạo của nội thể, và nhờ khả năng kết hợp giữa Âm Dương của nội thể với ngoại giới, nên vạn vật có thể mô phỏng được chức năng “Nhất tán Vạn” của Bản Thể Đạo. Mỗi vật trong vạn vật đều có thể đóng vai trò cái Nhất trong cõi hậu thiên mà hóa sinh nên cái Vạn, khiến cho vạn vật không ngừng phát triển về mặt hữu hình. Đó là cơ sinh hóa hậu thiên, lấy Âm Dương hậu thiên lập thành hình tướng. Vậy, ngoài cõi nguồn tiên thiên là Đạo, vạn vật còn những cõi nguồn hậu thiên là những thể hệ tổ tiên của mình.

Xuyên qua cả ba định luật, cái Vạn của vũ trụ luôn là những thể hiện của cái Nhất. Khi triển khai thành Vạn, Nhất đã dùng sự biến dịch diệu ảo của Vạn để thể hiện Nguyên Lý của Minh, dùng kết cấu vật chất tinh vi của Vạn để thể hiện Nguyên Khí của Minh. Vậy, Đạo không chỉ ẩn tàng như là Bản Thể của vạn vật mà còn thể hiện tường minh qua mọi hình thái vận động và hiện hữu của vạn vật.

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 2, mục 1.

2. VẠN QUY NHẤT

2.1. Định nghĩa

Bán trình *Vạn quy Nhất* cũng vừa là một phần của nguyên lý vận hành, vừa tự mình là nguyên lý tiến hóa. Có thể tóm tắt các nội dung của nguyên lý này vào bốn định nghĩa chính như sau:

Vạn quy Nhất là bán trình thu liễm công năng của Bản Thể Đạo, mang vạn pháp từ dị biệt đến đồng nhất, từ hậu thiên về tiên thiên.

Vạn quy Nhất là bán trình tiến hóa của vạn vật để trở về Nguyên Bản.

Vạn quy Nhất là một hành trình hướng nội, tự tinh lọc, tự tu tiến để lìa bỏ vọng tâm, trở về Chơn Tâm, quy nguyên trong cơ tiến hóa.

Vạn là trạng thái sai biệt, phân chia, mâu thuẫn, đối nghịch; *Nhất* là trạng thái đồng nhất, hiệp nhất, quy nhất, thống nhất. *Vạn quy Nhất* có nghĩa là: Mọi mâu thuẫn đối nghịch đều có thể được dung hòa, mọi sai biệt phân chia đều có thể được tổng hợp thành một nhất thể.

Chính nguyên lý Vạn quy Nhất đã được Đức Thượng Đế sử dụng để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

2.2. Các định luật

Vạn quy Nhất là bán trình nghịch hành của Nhất tán Vạn. Ngay khi vừa được sinh ra trong cơ tạo hóa, vạn vật đã phải tiến hóa, vì giữa hai cơ trình tạo hóa và tiến hóa không có sự gián đoạn. Khi khuynh hướng phân tán phát triển đến cùng cực thì chuyển dần thành khuynh hướng quy

tự; bán trình Nhất tán Vạn tiếp diễn thành bán trình Vạn quy Nhất.

Trong bán trình quy Nhất, việc phân loại luôn diễn ra để đào thải những cá thể thoái hóa và bảo tồn những cá thể tiến hóa. Bán trình này được đặc trưng bởi ba định luật cơ bản: luật cảm ứng, luật luân hồi, và luật tiến hóa.

2.2.1. Định luật cảm ứng

Tương ứng với luật nhân quả ở bán trình Nhất tán Vạn là định luật cảm ứng ở bán trình Vạn quy Nhất.

Trong luật nhân quả, chủ thể là gốc, khách thể là ngọn, vì chủ thể truyền tác động, còn khách thể là tiếp nhận tác động; bởi vậy, vận động do chủ thể khởi tạo đi theo chiều từ gốc đến ngọn. Ngược lại, trong định luật cảm ứng, chủ thể là ngọn, khách thể là gốc, vì sau khi chủ thể khởi tạo vận động, thì khách thể là nguồn truyền tác động, chủ thể là đối tượng nhận tác động; bởi vậy, vận động do chủ thể khởi tạo đi theo chiều từ ngọn đến gốc. Sự đảo ngược chiều truyền vận động giữa “Gốc” và “Ngọn” như vậy cho thấy luật cảm ứng là một định luật nghịch hành, trong khi luật nhân quả là một luật thuận hành.

Định luật cảm ứng là một định luật tương tác của tâm linh, tinh thần, tư tưởng. Định luật này có thể được tóm tắt như sau:

- Giữa Tiểu Linh Quang và Đại Linh Quang, giữa Tiểu Linh Quang và Tiểu Linh Quang, đều có khả năng cảm ứng lẫn nhau;
- Nếu Tiểu Linh Quang đã dụng công, tất phải có cảm; nếu đã có cảm, tất phải có ứng.

Nhờ định luật cảm ứng, mà vạn vật ở mọi nấc thang tiến hóa đều có khả năng tiếp nhận được sự hướng dẫn của Trời Đất để bớt bị lạc lối trên đường trở về Nguyên Bản.

Định luật cảm ứng giúp vạn linh trong cõi hậu thiên có những kênh giao tiếp với Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng để nhận được những trợ lực trên đường tiến hóa.

2.2.2. Định luật luân hồi

Để trở về với Đại Linh Quang, mỗi Tiểu Linh Quang phải tích lũy thành quả tiến hóa qua nhiều kiếp sống. Sau mỗi kiếp sống, nếu chưa đủ công năng để trở về với Đại Linh Quang, thì Tiểu Linh Quang phải quay trở lại thế giới vật chất, mượn một hình thể khác, sống một kiếp khác để tiếp tục tích lũy những gì còn thiếu. Sự trở lại thế giới vật chất để sống một kiếp sống hữu hình như vậy được gọi là *luân hồi*.

Định luật luân hồi có thể được tóm tắt như sau: Nếu trong một kiếp, Tiểu Linh Quang tích tụ công năng đến giá trị nào; thì ngay sau kiếp này, Tiểu Linh Quang sẽ được chuyển sang một nấc thang tiến hóa tương ứng với giá trị công năng đó. Vị trí của Tiểu Linh Quang trên thang tiến hóa tùy thuộc vào giá trị công năng mà Tiểu Linh Quang tích lũy được.

Luân hồi là một cơ chế trợ lực của Vô Cực và Thái Cực đối với Hoàng Cực trên đường tiến hóa.

2.2.3. Định luật tiến hóa

Bản chất của sự tiến hóa có liên quan đến ba yếu tố cơ bản cấu tạo nên vạn vật, là: Tinh, Khí, Thần. Ba yếu tố đó

do Tam Cực mà có: Vô Cực tạo ra Nguơn Tinh¹, Thái Cực tạo ra Nguơn Thần², Hoàng Cực tạo ra Nguơn Khí³.

Cơ tiến hóa là một guồng máy điều chế Nguơn Tinh thành Nguơn Khí và hiệp nhất Nguơn Khí với Nguơn Thần. Cơ tiến hóa ấy tác động trong mọi quy mô hiện hữu của vũ trụ: từ đại vũ trụ của Trời Đất đến mỗi tiểu vũ trụ của từng vật, từng người.

Định luật tiến hóa có thể được tóm tắt như sau:

- Trong cơ tiến hóa, có tám nấc thang tiến hóa ứng với bát phẩm chơn hồn, theo thứ tự từ thấp lên cao là: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhân hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn;
- Khi Tiểu Linh Quang ở vào nấc thang tiến hóa nào, thì phải thực hiện trọn vẹn sứ mạng tương ứng với nấc thang tiến hóa đó, vì sứ mạng ấy là một phận sự thiêng liêng của Hoàng Cực đối với sự vận hành của toàn vũ trụ;
- Sự tiến hóa hay thoái hóa của mỗi Tiểu Linh Quang không do Đại Linh Quang quyết định, mà do chính Tiểu Linh Quang ấy quyết định thông qua mức độ thực hiện sứ mạng, phận sự, trách nhiệm của mình.

¹ Chơn Pháp Lưu Truyền: “*Tinh là chơn linh của Đức Điều Trì Kim Mẫu.*”

² Đức Nam Phương Giáo Chủ; 22-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 40 “*Luyện Đạo*”, tr.378: “*Thần là Chủ Nhơn Ông, tức là điểm Linh Quang của Trời ban cấp*” (tr.380).

³ Dịch Kinh Huyền Nghĩa: “*Hoàng Cực là Khí Xung Hòa.*”

Định luật tiến hóa là định luật quan trọng nhất tạo nên bán trình Vạn quy Nhất, vì như đã được định nghĩa, tự thân bán trình Vạn quy Nhất chính là nguyên lý của sự tiến hóa.

3. KẾT LUẬN

Mặc dù có sự hoạt động của cả Tam Cực, nhưng nhân vật chính tham dự vào cơ dịch hóa Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất vẫn là Hoàng Cực, là Tiểu Linh Quang. Vì vậy, nguyên lý Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất là nguyên lý thiết lập nên lịch trình tiến hóa khép kín nhưng vô tận của Tiểu Linh Quang.

Nguyên lý Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất phản ánh hai phương diện trong sự dịch hóa của Đạo. Trên phương diện tương đối, dịch hóa có nghĩa là biến dịch, nên vạn hữu phải vận động để hoàn hảo hóa lấy tâm linh của chính mình, nghĩa là để tiến hóa. Trên phương diện tuyệt đối, dịch hóa có nghĩa là bất dịch, nên con người phải nhận thức được cái bất biến vốn vẫn làm căn cơ cho sự vận động vạn hữu, vì nhờ đó, con người mới có thể đứng được trên cương vị của một chủ thể tự do tiến hóa, thay vì chỉ là một vật thể bị ràng buộc vào cuộc tiến hóa.